CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
BAMBOO CAPITAL JOINT STOCK COMPANY	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
	Independence – Freedom – Happiness
Số/*No.*: **25/2022/CBTT-BCG**	Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2022 *Ho Chi Minh City, March 30th, 2022*

CÔNG BỐ THÔNG TIN

DISCLOSURE OF INFORMATION

Kính gửi/To: **- Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission***

- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM/*HCM Stock Exchange*

Công ty/*Company*: **Công ty Cổ phần Bamboo Capital/*Bamboo Capital JSC***
Mã chứng khoán/*Securities Code*: **BCG**

Người thực hiện công bố thông tin/*Submitted by*: Ông (Mr.) Phạm Minh Tuấn

Chức vụ/*Position*: Phó Tổng Giám đốc/*Chief Operating Officer*

Địa chỉ/ Address: 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM/ *27C Quốc Hương, Thao Dien Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.*

Điện thoại/*Telephone*: (028) 62 680 680 Fax: (028) 62 9911 88

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☑ Định kỳ

Information disclosure type: ☐ *24 hours* ☐ *Requested* ☐ *Irregular* ☑ *Periodic*

Nội dung công bố thông tin/*Content of Information disclosure*:

Công ty Cổ phần Bamboo Capital (BCG) công bố thông tin về Báo cáo tài chính Riêng lẻ và Hợp nhất đã kiểm toán năm 2021.

Bamboo Capital Joint Stock Company (BCG) discloses the Audited Separated and Consolidated Financial Statements of 2021.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại website www.bamboocap.com.vn/ mục Quan hệ Nhà đầu tư.

This information has been published on our company's website www.bamboocap.com.vn/ in Investor Relations section.

Tôi cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin công bố.

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN/
INFORMATION DISCLOSURE REPRESENTATIVE

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/

CHIEF OPERATING OFFICER

M.S.D.N: 0311315789 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM MINH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Điện thoại: 028.38205944 - Fax: 028.38205942

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	03 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	06 - 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán riêng	08 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 - 12
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	13 - 48

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Bamboo Capital (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 23 ngày 11/10/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:	2.975.371.740.000 VND
Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2021:	2.975.371.740.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013). Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn sữa, các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, caphe, cacao (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013) (không hoạt động tại trụ sở). Lập trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan. Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Kinh doanh bất động sản (trừ: không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử đất gắn với hạ tầng), quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn cao su mủ cốm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp. Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Bán mô tô, xe máy. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, mi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Sản xuất thảm, chăn, đệm. Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Bán buôn thực phẩm. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Bán lẻ phân bón. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium.

4. Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 46/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 31/08/2021 thông qua việc triển khai phương án chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 08/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 24/01/2022 về việc thông qua đăng ký tăng vốn điều lệ Công ty. Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã tiến hành phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 2.975.371.740.000 đồng lên thành 4.463.054.370.000 đồng.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Đại diện theo Pháp luật

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Thế Tài	Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
Ông	Bùi Thành Lâm	Thành viên HĐQT
Ông	Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên độc lập HĐQT
Ông	Khuất Tuấn Anh	Thành viên độc lập HĐQT
Ông	Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên độc lập HĐQT
Ông	Anthony Lim	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 15/05/2021)
Ông	Tan Bo Quan, Andy	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 15/05/2021)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Hoàng Thị Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc - Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông	Đinh Hoài Châu	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Viết Cương	Thành viên
Ông	Kou Kok Yiow	Thành viên

Đại diện theo pháp luật

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông	Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị với Báo cáo tài chính riêng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động riêng, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng này;

- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

9. Cam kết khác

Chủ tịch Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Chủ tịch HĐQT - Đại diện pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

Nguyễn Hồ Nam

Số: 266 /BCKT/TC/2022/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát**
CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Bamboo Capital được lập ngày 21/02/2022 từ trang 08 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Bamboo Capital tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM

Lê Đình Ái
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 3770-2018-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Vũ
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0699-2018-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**196.834.622.237**	**191.429.113.591**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.01	**23.839.005.895**	**12.021.135.270**
1. Tiền	111		13.429.005.895	1.611.135.270
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.410.000.000	10.410.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	V.04	**34.700.000.000**	**980.000.000**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		33.000.000.000	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.700.000.000	980.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**133.901.519.713**	**177.805.198.443**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	92.907.862.660	165.387.826.916
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	16.579.500.001	5.719.500.001
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	24.414.157.052	6.697.871.526
IV. Hàng tồn kho	**140**		**1.089.600.000**	**40.000.000**
1. Hàng tồn kho	141	V.06	1.089.600.000	40.000.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**3.304.496.629**	**582.779.878**
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.303.432.852	582.779.878
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.13	1.063.777	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**5.758.484.648.166**	**3.680.715.158.024**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**53.105.827.373**	**53.105.827.373**
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	53.105.827.373	53.105.827.373
II. Tài sản cố định	**220**		**4.072.360.127**	**4.584.602.828**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	4.029.607.597	4.516.198.786
- Nguyên giá	*222*		*8.530.005.655*	*7.864.578.382*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(4.500.398.058)*	*(3.348.379.596)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	42.752.530	68.404.042
- Nguyên giá	*228*		*76.954.546*	*76.954.546*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(34.202.016)*	*(8.550.504)*
III. Bất động sản đầu tư	**240**		**-**	**-**
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**535.500.000**	**535.500.000**
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		535.500.000	535.500.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	V.04	**5.700.264.278.814**	**3.622.175.513.903**
1. Đầu tư vào công ty con	251		5.602.037.274.476	3.439.350.896.196
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		182.804.000.000	182.804.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		529.156.293	529.156.293
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(85.106.151.955)	(508.538.586)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**506.681.852**	**313.713.920**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	506.681.852	313.713.920
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**5.955.319.270.403**	**3.872.144.271.615**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**2.841.116.446.532**	**2.263.744.284.950**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**174.806.186.956**	**240.016.891.128**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	10.489.252.803	47.789.849.216
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	195.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	9.980.626.436	29.759.380.803
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	7.845.837.255	27.739.726.026
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	100.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	93.013.516.720	74.699.158.920
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	53.476.953.742	59.733.776.163
II. Nợ dài hạn	**330**		**2.666.310.259.576**	**2.023.727.393.822**
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	534.310.000.000	688.310.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	1.529.150.000.000	161.150.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	602.850.259.576	274.267.393.822
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.11	-	900.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**3.114.202.823.871**	**1.608.399.986.665**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.16	**3.114.202.823.871**	**1.608.399.986.665**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.975.371.740.000	1.360.057.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*2.975.371.740.000*	*1.360.057.600.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(233.004.000)	(165.000.000)
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		139.064.087.871	248.507.386.665
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*45.042.534.665*	*59.673.247.613*
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	*421b*		*94.021.553.206*	*188.834.139.052*
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**5.955.319.270.403**	**3.872.144.271.615**

Lập, ngày 21 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Lê Trí Hoàng Uyên	Hoàng Thị Minh Châu	Nguyễn Hồ Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL
M.S.D.N: 0311315769 - C.T.C.P
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.01	**111.208.789.705**	**170.984.176.760**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**111.208.789.705**	**170.984.176.760**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	24.128.819.449	43.409.491.373
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**87.079.970.256**	**127.574.685.387**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	192.459.849.768	207.207.829.766
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	147.827.833.194	93.386.922.573
+ Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		*61.905.929.317*	*92.287.741.200*
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	36.210.358.682	22.603.672.990
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**95.501.628.148**	**218.791.919.590**
11. Thu nhập khác	31		-	13.618.814
12. Chi phí khác	32	VI.06	1.196.848.399	874.494.400
13. Lợi nhuận khác	**40**		**(1.196.848.399)**	**(860.875.586)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**94.304.779.749**	**217.931.044.004**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.08	283.226.543	29.096.904.952
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**94.021.553.206**	**188.834.139.052**

Lập, ngày 21 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Lê Trí Hoàng Uyên	Hoàng Thị Minh Châu	Nguyễn Hồ Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**94.304.779.749**	**217.931.044.004**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.177.669.974	752.583.730
- Các khoản dự phòng	03		84.597.613.369	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		786.676.466	205.081.373
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(192.040.738.860)	(207.218.598.579)
- Chi phí lãi vay	06		61.905.929.317	92.287.741.200
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**50.731.930.015**	**103.957.851.728**
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		56.641.604.356	(73.123.062.854)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(1.049.600.000)	3.539.518.200
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.177.139.326.091	872.090.152.665
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(192.967.932)	1.421.151.756
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		(33.000.000.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(54.903.295.984)	(234.447.448.843)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(29.380.131.495)	(24.897.392.074)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**1.165.986.865.051**	**648.540.770.578**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(665.427.273)	(4.433.010.546)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	130.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(720.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.670.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.162.686.378.280)	(2.381.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.744.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		175.794.738.860	17.204.979.766
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(1.988.277.066.693)**	**(619.428.030.780)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		674.555.796.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		513.855.255.910	1.002.697.736.817
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(191.529.212.577)	(944.369.814.545)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(162.774.512.000)	(86.404.608.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**834.107.327.333**	**(28.076.685.728)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**11.817.125.691**	**1.036.054.070**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**12.021.135.270**	**10.985.162.573**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		744.934	(81.373)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	VII	**23.839.005.895**	**12.021.135.270**

Lập, ngày 21 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Lê Trí Hoàng Uyên	Hoàng Thị Minh Châu	Nguyễn Hồ Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 23 ngày 11/10/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:	2.975.371.740.000 VND
Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2021:	2.975.371.740.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013). Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn sữa, các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, caphe, cacao (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013) (không hoạt động tại trụ sở). Lập trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan. Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Kinh doanh bất động sản (trừ: không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử đất gắn với hạ tầng), quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn cao su mủ cốm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp. Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Bán mô tô, xe máy. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, mi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Sản xuất thảm, chăn, đệm. Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Bán buôn thực phẩm. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Bán lẻ phân bón. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng: Không có.

6. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2021, Công ty Cổ phần Bamboo Capital có 01 (một) văn phòng đại diện, 09 (chín) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 57 (năm mươi bảy) Công ty con kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty có 03 (ba) Công ty liên kết kiểm soát trực tiếp và 09 (chín) Công ty liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Danh sách cụ thể như sau:

a. Danh sách văn phòng đại diện

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Bamboo Capital tại Tp. Hà Nội	Số 44 Nguyễn Thái Học, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội.

b. Danh sách các Công ty con trực tiếp

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	51,543%	51,543%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Khu TTCN Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định.	75,86%	59,52%
Công ty Cổ phần BCG Land	Tầng 14, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	99,52%	81,74%
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Khối 1, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.	89,00%	89,00%
Công ty Cổ phần BCG Energy	L14-08B, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	73,93%	73,93%
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Thôn Phong An, Xã Cát Trinh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định.	80,00%	80,00%
Công ty Cổ phần BCG Financial	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	80,00%	80,00%
Công ty TNHH Phoenix Mountain	Quốc lộ 1D, Khu vực 2, Phường Ghềnh Ráng, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.	100%	89,30%
Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	117-119 Lý Chính Thắng, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.	73,31%	78,71%

6. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

c. Danh sách các Công ty con gián tiếp

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Ấp Rò Leng, Xã Châu Lăng, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang.	51,00%	25,77%
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	55,00%	28,35%
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động Tracodi	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	70,00%	36,08%
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Lô D4, D5, D9, D10 – KCN Đông Bắc Sông Cầu, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên.	95,00%	56,54%
Công ty Cổ phần Tapiotek	Tổ 7, Khu phố 4, Thị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh.	81,25%	38,93%
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Hẻm 1, Đường TL 934, Ấp Hòa Mỹ, Thị trấn Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng.	90,00%	66,54%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	31 Đường số 10, Ấp 4, Khu Dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	90,00%	66,54%
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Quốc lộ 1D, Khu phố 1, Bãi Xép, Phường Ghềnh Ráng, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.	70,00%	57,22%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	218 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	59,43%	48,58%
Công ty Cổ Phần Thương Mại Vxperia	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	65,00%	53,13%
Công ty Cổ phần Helios Village	Số 32, Đường Hoàng Diệu, Tổ dân phố 4, Phường Nghĩa Trung, Tp. Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông.	80,0%	65,39%
Công ty TNHH Pegas	L14-08B, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	100,0%	81,74%
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99,9%	73,86%
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	L14-08B, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	65,00%	53,13%
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp	Cồn Bắp, Phường Cẩm Nam, Tp. Hội An, Tỉnh Quảng Nam.	50,10%	40,95%
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	Tầng 14, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	60,00%	42,34%

6. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

c. Danh sách các Công ty con gián tiếp (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Skylar	Tầng 14, L14-08B, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	99,00%	73,19%
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Tỉnh lộ 639, thôn 8 Đông, Xã Mỹ Thắng, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định.	51,00%	30,52%
Công ty Cổ phần Apollo Development	Tầng 14-08A, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	69,00%	50,50%
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	74,90%	54,82%
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	1/10 Ngô Văn Trị, khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	51,00%	37,33%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Số 26 đường Trần Khánh Dư, Tổ 1, Phường Diên Hồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai.	51,00%	37,70%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Căn PG02-09, Khóm 3, Phường 2, Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.	100,00%	73,77%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Căn PG02-09, Khóm 3, Phường 2, Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.	93,60%	69,20%
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	25/10 Đường số 3, Khu phố 2, Phường An Khánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99,00%	73,19%
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Số 356, tổ 13, ấp Phú Tân, Xã Trung Nghĩa, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long.	50,50%	37,34%
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	79,00%	57,82%
Công ty TNHH MTV Apollo DV1	344/38 DX 90, Đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 3, Phường Hiệp An, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,50%
Công ty TNHH MTV Apollo DV2	344/38 DX 90, Đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 3, Phường Hiệp An, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,50%
Công ty TNHH BCG Ever 1	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	37,33%
Công ty TNHH BCG Ever 2	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	37,33%
Công ty TNHH BCG Ever 3	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	37,33%
Công ty TNHH BCG Ever 4	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	37,33%

6. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

c. Danh sách các Công ty con gián tiếp (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Bleu Soliel	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	50,90%	37,25%
Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	37,25%
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar 1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	37,25%
Công ty TNHH Xây lắp Skylar 2	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	37,25%
Công ty TNHH Thương mại Skylar 3	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	37,25%
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Skylar 4	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	73,19%
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infinitive-1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	44,28%
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infinitive-2	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	44,28%
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infinitive-3	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	44,28%
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Greensky Infinitive-4	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	44,28%
Công ty TNHH BCG Ever 5	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	37,28%
Công ty TNHH BCG Ever 6	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	37,28%
Công ty TNHH BCG Ever 7	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	37,28%
Công ty Cổ phần Casper Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99%	72,46%
Công ty Cổ phần Cosmos Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99%	72,46%
Công ty Cổ phần Herb Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99%	72,46%
Công ty Cổ phần Orchid Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99%	72,46%
Công ty Cổ phần Rose Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99%	72,46%

6. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

c. Danh sách các Công ty con gián tiếp (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Sunflower Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99%	72,46%
Công ty Cổ phần Violet Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99%	72,46%
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Căn PG3-17, Dãy SH4, Đường số 7A, khóm 5, Phường 1, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.	51%	37,33%
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Căn PG3-17, Dãy SH4, Đường số 7A, khóm 5, Phường 1, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.	99,98%	37,32%
Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	59 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.	85,71%	67,46%
Công ty Cổ phần Nước Sạch Life Purity	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	51,00%	26,29%

d. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát trực tiếp

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Aussino Highland Agriculture	L14-08B, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	49,00%	49,00%
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	90 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	48,00%	48,00%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Băng Dương	31 Đường số 10, Ấp 4, Khu Dân Cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	37,49%	29,70%

e. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua công ty con

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Taxi Việt Nam	Lô IV - 15B đường số 4, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.	30,00%	15,46%
Công ty TNHH Skylight Power	Tầng 14, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	50,00%	36,97%
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	90 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	32,48%	24,01%
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Văn phòng 02, Tầng 10, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.	50,00%	36,97%
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	Thôn Nà Pán I, Xã Vũ Sơn, Huyện Bắc Sơn, Tỉnh Lạng Sơn.	43,85%	26,10%

6. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

e. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua công ty con (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	43 Phan Bội Châu, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.	20,00%	10,31%
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	49,00%	36,23%
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	50,00%	36,60%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch Vụ An Khang Land	Số 19 Đường 11, Khu phố 1, Phường Linh Tây, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	49,00%	23,80%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là Tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác…

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;

- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác : khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;

- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao ước tính
- Phương tiện vận tải	06
- Máy móc thiết bị	03
- Thiết bị văn phòng	03 - 05
- Tài sản cố định vô hình	03

6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;

- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;

- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8. Ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;

- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

18. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Tiền mặt	140.542.474	58.240.136
- Tiền gửi ngân hàng	13.288.463.421	1.552.895.134
- Các khoản tương đương tiền (*)	10.410.000.000	10.410.000.000
Cộng	**23.839.005.895**	**12.021.135.270**

Ghi chú:

(*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng (xem mục V.10 thuyết minh báo cáo tài chính riêng này).

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	***92.907.862.660***	***165.387.826.916***
- Công ty Cổ phần BCG Energy	9.339.700.000	91.300.000
- Dragon Lane Investment Holding Limited	66.488.234.400	116.200.500.000
- Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ BĐS Thăng Long	-	45.000.000.000
- Các khách hàng khác	17.079.928.260	4.096.026.916
b. Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	***23.403.800.000***	***2.750.000.000***
- Công ty Cổ phần BCG Land	6.011.700.000	1.377.700.000
- Công ty Cổ phần BCG Energy	9.339.700.000	91.300.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	6.579.400.000	1.281.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	1.473.000.000	-

3. CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	***16.579.500.001***	***5.719.500.001***
- Công ty Cổ phần Đầu tư D'sense Island Hội An	5.000.000.000	5.000.000.000
- Công ty Cổ phần Gonsa	11.000.000.000	-
- Các khách hàng khác	579.500.001	719.500.001
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

		Số cuối năm			*Số đầu năm*		
		Giá trị gốc	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá trị gốc*	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*
a. Chứng khoán kinh doanh		***33.000.000.000***		-	-	-	-
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Tiên Phong	(*)	33.000.000.000	55.417.500.000	-	-	-	-

		Số cuối năm			*Số đầu năm*		
		Giá trị gốc	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá trị gốc*	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*
b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		***1.700.000.000***	***1.700.000.000***	-	***980.000.000***	***980.000.000***	-
b.1 Ngắn hạn		***1.700.000.000***	***1.700.000.000***	-	***980.000.000***	***980.000.000***	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu	(**)	980.000.000	980.000.000	-	980.000.000	980.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội		720.000.000	720.000.000	-	-	-	-
b.2 Dài hạn		-	-	-	-	-	-
Cộng		**1.700.000.000**	**1.700.000.000**	-	**980.000.000**	**980.000.000**	-

Ghi chú:

(*) Là khoản đầu tư Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Tiên Phong nhằm mục đích nắm giữ để bán, trong đó có 1.000.000 cổ phiếu đang bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm. Giá trị hợp lý khoản mục được trình bày căn cứ theo số lượng cổ phiếu và giá đóng cửa của HOSE tại ngày 31/12/2021 nhằm mục đích tham khảo.

(**) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu. Toàn bộ khoản tiền gửi này được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu (xem mục V.10 thuyết minh báo cáo tài chính riêng này).

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

		Số cuối năm			*Số đầu năm*		
		Giá trị gốc	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá trị gốc*	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		***5.785.370.430.769***	***5.700.264.278.814***	***(85.106.151.955)***	***3.622.684.052.489***	***3.622.175.513.903***	***(508.538.586)***
Đầu tư vào công ty con		**5.602.037.274.476**	**5.602.037.274.476**	-	**3.439.350.896.196**	**3.439.350.896.196**	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	(1)	479.460.560.000	479.460.560.000	-	299.460.560.000	299.460.560.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng		270.160.000.000	270.160.000.000	-	270.160.000.000	270.160.000.000	-
- Công ty Cổ phần BCG Land	(2)	1.256.400.000.000	1.256.400.000.000	-	1.014.200.000.000	1.014.200.000.000	-
- Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	(3)	667.530.336.196	667.530.336.196	-	667.530.336.196	667.530.336.196	-
- Công ty Cổ phần BCG Energy	(4)	1.608.000.000.000	1.608.000.000.000	-	1.188.000.000.000	1.188.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	(5)	384.000.000.000	384.000.000.000	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần BCG Financial	(6)	320.000.000.000	320.000.000.000	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	(7)	316.486.378.280	316.486.378.280	-	-	-	-
- Công ty TNHH Phoenix Mountain	(8)	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		**182.804.000.000**	**97.697.848.045**	**(85.106.151.955)**	**182.804.000.000**	**182.295.461.414**	**(508.538.586)**
- Công ty Cổ phần Aussino Highland Agriculture		1.104.000.000	595.461.414	(508.538.586)	1.104.000.000	595.461.414	(508.538.586)
- Công ty TNHH B.O.T ĐT 830		103.200.000.000	18.602.386.631	(84.597.613.369)	103.200.000.000	103.200.000.000	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Băng Dương		78.500.000.000	78.500.000.000	-	78.500.000.000	78.500.000.000	-
Đầu tư vào các đơn vị khác		**529.156.293**	**529.156.293**	-	**529.156.293**	**529.156.293**	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam		69.210.933	69.210.933	-	69.210.933	69.210.933	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn lực & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam		99.945.360	99.945.360	-	99.945.360	99.945.360	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Năng lượng Việt Nam		360.000.000	360.000.000	-	360.000.000	360.000.000	-
Cộng		**5.785.370.430.769**	**5.700.264.278.814**	**(85.106.151.955)**	**3.622.684.052.489**	**3.622.175.513.903**	**(508.538.586)**

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(1) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 19/01/2021, Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải với giá trị là 180 tỷ đồng.

(2) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 27/2020/NQ/HĐQT-BCG ngày 14/07/2020 và Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 18/03/2021, Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần BGG Land với tổng giá trị là 242,2 tỷ đồng.

(3) Khoản đầu tư cổ phần tại Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng (xem mục V.10 thuyết minh báo cáo tài chính riêng này).

(4) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 17/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 18/03/2021, Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần BGG Energy với giá trị là 420 tỷ đồng.

(5) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 15/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 16/03/2021, Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã nhận chuyển nhượng cổ phần từ Công ty Cổ phần BCG Land và góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh với tổng giá trị vốn đầu tư là 384 tỷ đồng.

(6) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 42/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 12/08/2021, Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã thực hiện góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Bamboo Financial với số tiền là 320 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 80% trên vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bamboo Financial.

(7) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 50/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 29/09/2021, Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã nhận chuyển nhượng cổ phần từ cổ đông hiện hữu để đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA.

(8) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 53/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 12/10/2021, Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã thực hiện góp vốn thành lập Công ty TNHH Phoenix Mountain với số tiền là 300 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 75% trên vốn điều lệ của Công ty TNHH Phoenix Mountain.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
a. Phải thu ngắn hạn khác	***24.414.157.052***	-	***6.697.871.526***	-
- Tạm ứng	132.173.296	-	233.427.342	-
- Ký cược, ký quỹ	19.000.000	-	19.000.000	-
- Phải thu khác	24.262.983.756	-	6.445.444.184	-
+ Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	*5.475.000.000*	-	*5.475.000.000*	-
+ Công ty Cổ phần BCG Land	*16.246.000.000*	-	-	-
+ Công TNHH Kinh doanh Dịch vụ BĐS Thăng Long	*2.431.232.876*	-	-	-
+ Công ty TNHH DV BV Trường Thành Đại Nam Security	-	-	*736.611.112*	-
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	-	-	*123.082.192*	-
+ Khác	*110.750.880*	-	*110.750.880*	-

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
b. Phải thu dài hạn khác	***53.105.827.373***	-	***53.105.827.373***	-
- Phải thu khác	52.500.000.000	-	52.500.000.000	-
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT 830 (*)	*52.500.000.000*	-	*52.500.000.000*	-
- Ký cược, ký quỹ	605.827.373	-	605.827.373	-
Cộng	**77.519.984.425**	-	**59.803.698.899**	-

Ghi chú:

(*) Là khoản tiền chuyển cho Công ty TNHH B.O.T ĐT 830 để đầu tư Dự án nâng cấp mở rộng ĐT.830 và ĐT.824 tại tỉnh Long An theo Hợp đồng hợp tác số 01/2019/HĐ-BOT830/HTĐT ngày 18/12/2019 có thời hạn dự kiến là 05 năm. Tài sản đã được thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng (xem mục V.10 thuyết minh báo cáo tài chính riêng này).

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
- Hàng hóa	1.089.600.000	-	40.000.000	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	**1.089.600.000**	-	**40.000.000**	-

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình				
1. Số dư đầu năm	**60.000.000**	**6.887.362.182**	**917.216.200**	**7.864.578.382**
2. Số tăng trong năm	**-**	**585.581.818**	**79.845.455**	**665.427.273**
- Mua trong năm	-	585.581.818	79.845.455	665.427.273
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	**60.000.000**	**7.472.944.000**	**997.061.655**	**8.530.005.655**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế				
1. Số dư đầu năm	**60.000.000**	**2.822.708.545**	**465.671.051**	**3.348.379.596**
2. Khấu hao trong năm	**-**	**1.038.785.010**	**113.233.452**	**1.152.018.462**
- Khấu hao tăng trong năm	-	1.038.785.010	113.233.452	1.152.018.462
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	**60.000.000**	**3.861.493.555**	**578.904.503**	**4.500.398.058**
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình				
1. Tại ngày đầu năm	-	**4.064.653.637**	**451.545.149**	**4.516.198.786**
2. Tại ngày cuối năm	-	**3.611.450.445**	**418.157.152**	**4.029.607.597**

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay, nợ: 2.313.120.143 VND

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.420.622.382 VND

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình		
1. Số dư đầu năm	**76.954.546**	**76.954.546**
2. Số tăng trong năm	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	**76.954.546**	**76.954.546**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế		
1. Số dư đầu năm	**8.550.504**	**8.550.504**
2. Khấu hao trong năm	**25.651.512**	**25.651.512**
- Khấu hao tăng trong năm	25.651.512	25.651.512
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	**34.202.016**	**34.202.016**
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
1. Tại ngày đầu năm	**68.404.042**	**68.404.042**
2. Tại ngày cuối năm	**42.752.530**	**42.752.530**

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn	-	-
b. Dài hạn	***506.681.852***	***313.713.920***
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	506.681.852	313.713.920

10. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

		Số đầu năm		*Phát sinh*		*Số cuối năm*	
		Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn							
a.1 Vay ngắn hạn		***19.633.347.267***	***19.633.347.267***	***32.455.255.910***	***38.499.095.331***	***13.589.507.846***	***13.589.507.846***
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu	(1)	19.633.347.267	19.633.347.267	32.455.255.910	38.499.095.331	13.589.507.846	13.589.507.846
a.2 Vay dài hạn đến hạn trả		***40.100.428.896***	***40.100.428.896***	***39.887.445.896***	***40.100.428.896***	***39.887.445.896***	***39.887.445.896***
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	(2)	391.333.000	391.333.000	178.350.000	391.333.000	178.350.000	178.350.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Đà Nẵng	(4)	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	(3)	12.209.095.896	12.209.095.896	12.209.095.896	12.209.095.896	12.209.095.896	12.209.095.896
Cộng		**59.733.776.163**	**59.733.776.163**	**72.342.701.806**	**78.599.524.227**	**53.476.953.742**	**53.476.953.742**

10. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

		Số đầu năm		*Phát sinh*		*Số cuối năm*	
		Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn							
b.1 Vay dài hạn		***161.337.705.472***	***161.337.705.472***	***481.400.000.000***	***39.887.445.896***	***602.850.259.576***	***602.850.259.576***
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	(2)	594.500.000	594.500.000	-	178.350.000	416.150.000	416.150.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	(3)	36.993.205.472	36.993.205.472	-	12.209.095.896	24.784.109.576	24.784.109.576
- Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Đà Nẵng	(4)	123.750.000.000	123.750.000.000	-	27.500.000.000	96.250.000.000	96.250.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Lion City	(5)	-	-	481.400.000.000	-	481.400.000.000	481.400.000.000
Cộng		**161.337.705.472**	**161.337.705.472**	**481.400.000.000**	**39.887.445.896**	**602.850.259.576**	**602.850.259.576**

c. Các khoản nợ thuê tài chính

d. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

e. Trái phiếu thường

	Số đầu năm			*Số cuối năm*		
	Giá trị	*Lãi suất*	*Kỳ hạn*	*Giá trị*	*Lãi suất*	*Kỳ hạn*
- Loại phát hành theo mệnh giá	112.929.688.350	6%	3 năm	-		
Cộng	**112.929.688.350**			-		

Ghi chú:

(1) Đây là khoản vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Chiểu. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải của Công ty và khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Chiểu (xem mục V.01, V.04, V.07 thuyết minh báo cáo tài chính riêng này).

(2) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Mục đích vay mua xe ô tô doanh nghiệp. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải của công ty (xem mục V.07 thuyết minh báo cáo tài chính riêng này).

(3) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng. Thời hạn vay 60 tháng. Tài sản đảm bảo là dự án nâng cấp, mở rộng ĐT 830 và ĐT 824 từ cầu An Thạnh đến thị trấn Đức Hòa, Tỉnh Long An (xem mục V.05 thuyết minh báo cáo tài chính riêng này).

(4) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Đà Nẵng. Số tiền vay 220 tỷ đồng. Thời hạn vay 96 tháng. Tài sản đảm bảo là toàn bộ giá trị phần vốn góp của BCG vào Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas (xem mục V.04 thuyết minh báo cáo tài chính riêng này).

(5) Đây là khoản Công ty Cổ phần Bamboo Capital nhận được theo Hợp đồng vay ngày 07/04/2021 với Công ty Cổ phần Phát triển Lion City để góp vốn vào các công ty con, thời gian cho vay là 18 tháng.

11. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

STT	Chỉ tiêu		Số đầu năm	Phát hành trong năm	Đáo hạn trái phiếu		Số cuối năm	Bên liên quan
					Thực hiện quyền chọn chuyển đổi	Không thực hiện quyền chọn chuyển đổi		
1	**Kỳ hạn gốc (tháng)**							
	Phát hành ngày 20/05/2020	(*)	36		36			-
2	**Kỳ hạn còn lại (tháng)**							
	Phát hành ngày 20/05/2020	(*)	28,5		28,5			-
3	**Số lượng (trái phiếu)**							
	Phát hành ngày 20/05/2020	(*)	900.000		900.000			-
4	**Mệnh giá (đồng/ trái phiếu)**							
	Phát hành ngày 20/05/2020	(*)	1.000.000					-
5	**Lãi suất (%)**							
	Phát hành ngày 20/05/2020	(*)	5%					-
6	**Tỷ lệ chuyển đổi**							
7	**Lãi suất chiết khấu**							
	Phát hành ngày 20/05/2020							
8	**Nợ gốc trái phiếu**		**900.000.000.000**		**900.000.000.000**			-
	Phát hành ngày 20/05/2020	(*)	900.000.000.000		900.000.000.000			-
9	**Quyền chọn chuyển đổi**							
	Phát hành ngày 20/05/2020							

Ghi chú:

(*) Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2021 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 36/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 09/07/2021 về việc chấp thuận cho phép thực hiện quyền chuyển đổi toàn bộ trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 20/05/2020 thành cổ phiếu, Công ty đã tiến hành chuyển đổi toàn bộ 900.000 trái phiếu thành 90.000.000 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ.

12. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
a. Ngắn hạn	***10.489.252.803***	***10.489.252.803***	***47.789.849.216***	***47.789.849.216***
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	3.490.635.195	3.490.635.195	46.547.597.777	46.547.597.777
- Các khách hàng khác	6.998.617.608	6.998.617.608	1.242.251.439	1.242.251.439
b. Dài hạn	***534.310.000.000***	***534.310.000.000***	***688.310.000.000***	***688.310.000.000***
- Công ty TNHH Nam Cường Sài Gòn	534.310.000.000	534.310.000.000	688.310.000.000	688.310.000.000
Cộng	**544.799.252.803**	**544.799.252.803**	**736.099.849.216**	**736.099.849.216**
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d. Phải trả người bán là các bên liên quan	***6.583.857.564***	***6.583.857.564***	***109.948.520***	***109.948.520***
- Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	2.183.857.564	2.183.857.564	109.948.520	109.948.520
- Công ty Cổ phần BCG Land	2.200.000.000	2.200.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần BCG Energy	2.200.000.000	2.200.000.000	-	

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP CHO NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	*Phải nộp trong năm*	*Đã nộp trong năm*	*Số cuối năm*
a. Phải nộp	***29.759.380.803***	***22.886.710.642***	***42.665.465.009***	***9.980.626.436***
Thuế giá trị gia tăng	-	1.011.391.073	1.011.391.073	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.095.841.175	283.226.543	29.379.067.718	-
Thuế thu nhập cá nhân	324.749.628	10.428.017.067	10.718.741.509	34.025.186
Thuế khác	338.790.000	11.164.075.959	1.556.264.709	9.946.601.250

	Số đầu năm	*Phát sinh giảm trong năm*	*Phát sinh tăng trong năm*	*Số cuối năm*
b. Phải thu	-	-	***1.063.777***	***1.063.777***
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	1.063.777	1.063.777

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn	***7.845.837.255***	***27.739.726.026***
- Trích trước chi phí lãi vay, lãi phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	7.845.837.255	27.739.726.026
b. Dài hạn	-	-
Cộng	**7.845.837.255**	**27.739.726.026**

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

		Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn		***93.013.516.720***	***74.699.158.920***
- Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN		116.998.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		92.896.518.720	74.699.158.920
+ Trương Hoàng Vĩnh		-	*20.000.000.000*
+ Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	*(1)*	*91.084.000.000*	*52.793.000.000*
+ Các đối tượng khác		*1.812.518.720*	*1.906.158.920*
b. Dài hạn		***1.529.150.000.000***	***161.150.000.000***
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		1.529.150.000.000	161.150.000.000
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy	*(2)*	*80.000.000.000*	*80.000.000.000*
+ Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	*(3)*	*64.150.000.000*	*64.150.000.000*
+ Công ty TNHH Kinh Doanh DV BĐS Thăng Long	*(4)*	*378.000.000.000*	-
+ Công ty Cổ phần BCG Financial	*(5)*	*300.000.000.000*	-
+ Nguyễn Thị Minh Thương		*180.000.000.000*	-
+ Trần Thùy Dung		*123.500.000.000*	-
+ Huỳnh Thị Hồng Hạnh		*86.500.000.000*	-
+ Bùi Thành Lâm	*(6)*	*196.000.000.000*	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Gia Khang	*(7)*	*104.000.000.000*	-
+ Các đối tượng khác		*17.000.000.000*	*17.000.000.000*

Ghi chú:

(1) Đây là khoản tạm ứng trước cổ tức của Dự án Malibu Hội An.

(2) Đây là khoản nhận được theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06/2020-HĐHTKD-BCG-CHITHUY ngày 27/03/2020 và Phụ lục số 01/2020/HTKD-BCG-CHITHUY giữa Công ty Cổ phần Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy. Thời gian thực hiện 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(3) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng số 07A/2018/HĐVV-IND-BCG ngày 30/08/2018 và Phụ lục hợp đồng số 07A/2018/HĐTV-IND-BCG/PLHĐ01 ngày 28/08/2020, thời hạn hợp đồng đến ngày 29/08/2022.

(4) Đây là khoản nhận được theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 07/HĐHTKD-BCG-BDSTL ngày 10/03/2021 giữa Công ty Cổ phần Bamboo Capital và Công ty TNHH KD BĐS Thăng Long. Thời gian thực hiện 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(5) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng số 1509/2021/HĐHTKD-BGC-BCGF ngày 15/09/2021 giữa Công ty Cổ phần Bamboo Capital và Công ty Cổ phần BCG Financial. Thời gian thực hiện hợp đồng là 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(6) Đây là khoản nhận được theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2510/HTĐT-BTL-BCG ngày 25/10/2021 giữa Công ty Cổ phần Bamboo Capital và Ông Bùi Thành Lâm về việc đầu tư vào Dự án Điểm du lịch số 2A do Công ty TNHH Phoenix Mountain làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác là 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(7) Đây là khoản nhận được theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2510/HTĐT-GK-BCG ngày 25/10/2021 giữa Công ty Cổ phần Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Gia Khang về việc đầu tư vào Dự án Điểm du lịch số 2A do Công ty TNHH Phoenix Mountain làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác là 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2020	**1.080.057.600.000**	**(165.000.000)**	**146.077.855.613**	**1.225.970.455.613**
- Tăng vốn trong năm	280.000.000.000	-	-	280.000.000.000
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	188.834.139.052	188.834.139.052
- Chia cổ tức	-	-	(86.404.608.000)	(86.404.608.000)
Số dư tại ngày 01/01/2021	**1.360.057.600.000**	**(165.000.000)**	**248.507.386.665**	**1.608.399.986.665**
- Tăng vốn trong năm (*)	1.615.314.140.000	(68.004.000)	-	1.615.246.136.000
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	94.021.553.206	94.021.553.206
- Chia cổ tức (**)	-	-	(203.464.852.000)	(203.464.852.000)
Số dư tại ngày 31/12/2021	**2.975.371.740.000**	**(233.004.000)**	**139.064.087.871**	**3.114.202.823.871**

Ghi chú:

(*) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/2020/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 24/09/2020 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 51/2020/NQ-HĐQT-BCG ngày 30/09/2020, Công ty đã thực hiện chào bán 67.462.380 cổ phiếu ra công chúng với tổng số vốn huy động là 674.623.800.000 đồng, nâng tổng số vốn điều lệ lên 2.034.681.400.000 đồng.

Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2021 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 36/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 09/07/2021 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu của Công ty Cổ phần Bamboo Capital và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 26/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 25/05/2021 về việc chia cổ tức 2% bằng cổ phiếu. Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã tiến hành tăng vốn điều lệ từ 2.034.681.400.000 đồng lên thành 2.975.371.740.000 đồng.

(**) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2021 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 26/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 25/05/2021 về việc chia cổ tức với tỷ lệ là 10% trên vốn điều lệ, trong đó bao gồm 8% cổ tức bằng tiền mặt và 2% cổ tức bằng cổ phiếu.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Tổ chức, cá nhân khác	2.975.371.740.000	1.360.057.600.000
Cộng	**2.975.371.740.000**	**1.360.057.600.000**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	*Năm trước*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.360.057.600.000	1.080.057.600.000
+ Vốn góp tăng trong năm	1.615.314.140.000	280.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	2.975.371.740.000	1.360.057.600.000
- Cổ tức lợi nhuận được chia	***203.464.852.000***	***86.404.608.000***

d. Cổ phiếu

	Năm nay	*Năm trước*
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	297.537.174	136.005.760
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	297.537.174	136.005.760
+ Cổ phiếu phổ thông	*297.537.174*	*136.005.760*
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	297.537.174	136.005.760
+ Cổ phiếu phổ thông	*297.537.174*	*136.005.760*

** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu*

e. Cổ tức

	Năm nay	*Năm trước*
- Cổ tức đã công bố	203.464.852.000	86.404.608.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	*203.464.852.000*	*86.404.608.000*
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
c. Ngoại tệ các loại		
- USD	*919,82*	*779,82*

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	*Năm trước*
a. Doanh thu	***111.208.789.705***	***170.984.176.760***
- Doanh thu bán hàng	14.316.287.160	41.027.376.760
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	96.892.502.545	129.956.800.000
b. Doanh thu đối với các bên liên quan	***30.968.000.000***	***19.246.800.000***
- Công ty Cổ phần BCG Land	9.100.000.000	5.108.800.000
- Công ty Cổ phần BCG Energy	12.444.000.000	7.058.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	5.944.000.000	4.360.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	2.880.000.000	2.520.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	600.000.000	200.000.000

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	*Năm trước*
- Giá vốn hàng hóa	13.726.395.400	39.237.913.760
- Giá vốn dịch vụ	10.402.424.049	4.171.577.613
Cộng	**24.128.819.449**	**43.409.491.373**

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	472.135.160	930.998.108
- Lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư	5.774.999.998	5.098.424.658
- Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	2.947.500.000	190.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	182.931.839.400	11.175.557.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	333.375.210	2.850.000
Cộng	**192.459.849.768**	**207.207.829.766**

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	61.905.929.317	92.287.741.200
- Lỗ đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	85.735.698	-
- Dự phòng đầu tư tài chính	84.597.613.369	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	331.878.344	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	786.676.466	205.081.373
- Chi phí tài chính khác	120.000.000	894.100.000
Cộng	**147.827.833.194**	**93.386.922.573**

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	*Năm trước*
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	-	-
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	***36.210.358.682***	***22.603.672.990***
- Chi phí nhân viên quản lý	15.694.974.396	10.291.933.069
- Chi phí vật liệu quản lý	1.270.084.373	927.404.282
- Chi phí đồ dùng văn phòng	338.370.250	1.679.969.937
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.177.669.974	752.583.730
- Thuế, phí và lệ phí	31.294.110	13.037.776
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.520.101.947	7.202.491.953
- Chi phí bằng tiền khác	3.177.863.632	1.736.252.243

6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	*Năm trước*
- Phạt vi phạm hành chính	1.196.536.597	874.467.000
- Các khoản khác	311.802	27.400
Cộng	**1.196.848.399**	**874.494.400**

7. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	*Năm trước*
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.270.084.373	927.404.282
- Chi phí nhân công	15.694.974.396	10.291.933.069
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.177.669.974	752.583.730
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.520.101.947	7.202.491.953
- Chi phí bằng tiền khác	3.547.527.992	3.429.259.956
Cộng	**36.210.358.682**	**22.603.672.990**

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**94.304.779.749**	**217.931.044.004**
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	**(181.735.302.803)**	**(10.096.008.627)**
+ Các khoản điều chỉnh tăng	*1.196.536.597*	*1.079.548.373*
+ Các khoản điều chỉnh giảm	*(182.931.839.400)*	*(11.175.557.000)*
- Tổng thu nhập chịu thuế	**(87.430.523.054)**	**207.835.035.377**
- Tổng thu nhập tính thuế	**(87.430.523.054)**	**207.835.035.377**
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**283.226.543**	**29.096.904.952**
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	*41.567.007.075*
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu	*283.226.543*	-
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị định số: 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020	-	*(12.470.102.123)*

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay
- Chuyển trái phiếu chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu	900.000.000.000

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có thế chấp 11.390.000.000 đồng tại khoản mục tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn (xem mục V.01 và V.04 phần thuyết minh báo cáo tài chính riêng này) để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	513.855.255.910

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm

	Năm nay
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	78.599.524.227
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	112.929.688.350

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

Tên đơn vị	Quan hệ
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Land	Công ty con
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Energy	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Financial	Công ty con
Công ty TNHH Phoenix Mountain	Công ty con
Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	Công ty con
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động Tracodi	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Pegas	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bắp	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thương Mại Vxperia	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	Công ty con gián tiếp

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

a. Các bên liên quan (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Quan hệ
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Apollo Development	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Apollo DV1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Apollo DV2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever4	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever5	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever6	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever7	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Xây lắp Skylar2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thương mại Skylar3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Skylar4	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infinitive-1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infinitive-2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infinitive-3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Greensky Infinitive-4	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Helios Village	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Casper Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Cosmos Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Herb Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Orchid Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Rose Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sunflower Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Violet Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tapiotek	Công ty con gián tiếp

I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

a. Các bên liên quan (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Quan hệ
Công ty Cổ phần Nước Sạch Life Purity	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Aussino Highland Agriculture	Công ty liên kết
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Băng Dương	Công ty liên kết
Công ty Taxi Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ An Khang Land	Công ty liên kết gián tiếp
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan

Ghi chú:

Ngoài thông tin các bên liên quan đã được nêu tại mục V.02, V.11 và VI.01 của Thuyết minh báo cáo tài chính này, Công ty có các nghiệp vụ với các bên liên quan sau:

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Tên đơn vị	Giao dịch	Số tiền
Các bên liên quan	Mượn tiền	196.000.000.000
	Trả lãi trái phiếu	23.222.945.204
Công ty Cổ phần BCG Land	Đầu tư tài chính	242.200.000.000
	Mua cổ phần	80.000.000.000
	Nhận cung cấp dịch vụ	2.000.000.000
	Nhận cổ tức	157.245.998.400
Công ty Cổ phần BCG Energy	Nhận cung cấp dịch vụ	2.000.000.000
	Đầu tư tài chính	420.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Đầu tư tài chính	304.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Đầu tư tài chính	180.000.000.000
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Nhận ứng cổ tức	38.291.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	Nhận tiền hợp tác kinh doanh	104.000.000.000
Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	Đầu tư tài chính	219.567.853.280
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	Mua hàng	1.885.371.858
Công ty Cổ phần BCG Financial	Đầu tư tài chính	320.000.000.000
	Mượn tiền	300.000.000.000
Công ty TNHH Phoenix Mountain	Đầu tư tài chính	300.000.000.000
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Lãi hợp tác	5.774.999.998

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

c. Thu nhập Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác

Họ tên	Chức danh	Số tiền
Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT	780.000.000
Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT	390.000.000
Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc	715.000.000
Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	195.000.000
Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	390.000.000
Hoàng Thị Minh Châu	Giám đốc tài chính - Kế toán trưởng	650.000.000
Đinh Hoài Châu	Trưởng ban kiểm soát	260.000.000
Nguyễn Viết Cương	Thành viên ban kiểm soát	195.000.000
Cộng		**3.575.000.000**

d. Số dư cuối năm với các bên liên quan

Đơn vị	Mã số trên Bảng cân đối kế toán	Số tiền
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	337	196.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG Land	136	16.246.000.000
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	319	91.084.000.000
	337	64.150.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Băng Dương	136	62.344.128
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	216	52.500.000.000
Công ty Cổ phần BCG Financial	337	300.000.000.000
Công ty Cổ phần ĐT TM DV Gia Khang	337	104.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	136	5.475.000.000
Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	136	10.000.000

2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty trình bày báo cáo bộ phận của mình theo loại hình kinh doanh

Chỉ tiêu	Bán hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Tổng cộng
Doanh thu thuần	14.316.287.160	96.892.502.545	111.208.789.705
Giá vốn	13.726.395.400	10.402.424.049	24.128.819.449
Lợi nhuận thuần	**589.891.760**	**86.490.078.496**	**87.079.970.256**

3. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 46/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 31/08/2021 thông qua việc triển khai phương án chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 08/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 24/01/2022 về việc thông qua đăng ký tăng vốn điều lệ Công ty. Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã tiến hành phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 2.975.371.740.000 đồng lên thành 4.463.054.370.000 đồng.

4. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Lập, ngày 21 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Lê Trí Hoàng Uyên	Hoàng Thị Minh Châu	Nguyễn Hồ Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL ----------***----------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------***----------
Số: 49/2022/BCG *V/v: Giải trình biến động kết quả SXKD kiểm toán năm 2021*	*TP HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2022*

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Căn cứ theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ký ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Công ty CP Bamboo Capital (BCG) xin giải trình với Quý Sở, Quý Ủy ban về chênh lệch lợi nhuận sau thuế trong BCTC riêng lẻ và hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán như sau:

Giải trình biến động so với cùng kỳ:

Đơn vị tính: đồng

Loại Báo cáo tài chính ("BCTC")	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (đồng)**			
	Năm 2021	**Năm 2020**	**Chênh lệch (1) so với (2)**	**Tỷ lệ chênh lệch (1) so với (2)**
	(1)	**(2)**	**(3) = (1) - (2)**	**(4) = (3)/(2)*100**
BCTC riêng lẻ đã được kiểm toán	94.021.553.206	188.834.139.052	(94.812.585.846)	(50,2%)
BCTC hợp nhất đã được kiểm toán	1.000.342.632.216	266.419.180.577	733.923.451.640	275,5%

Giải trình của công ty như sau:

Đối với báo cáo riêng lẻ:

- Báo cáo tài chính riêng lẻ đã được kiểm toán năm 2021: Lợi nhuận sau thuế đạt 94 tỷ đồng giảm 50,2% so với cùng kỳ chủ yếu do doanh thu từ hoạt động tư vấn trong năm 2021 thấp hơn.

Đối với báo cáo hợp nhất:

- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2021: Lợi nhuận sau thuế đạt 1.000 tỷ đồng, tăng 275,5 % so với cùng kỳ. Lợi nhuận hợp nhất đến từ các công ty con. Trong đó, nổi bật là việc hoàn tất và chuyển nhượng một số dự án; doanh thu từ hoạt động thi công, xây lắp; đồng thời ghi nhận dòng tiền từ các dự án năng lượng tái tạo đã đóng điện thời điểm cuối năm 2020.

Công ty xin báo cáo để Quý Ủy ban và Sở được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CP BAMBOO CAPITAL

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

PHẠM MINH TUẤN

Nơi nhận:

- *Như trên*
- *Lưu VP*